

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **27/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-6-2020

V/v “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Tòng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Mười**

2. Bà **Phạm Thị Em**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đoàn Ngọc Sơn** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà **La Thị Thúy Vi** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 144/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2019/QĐXX - ST ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số C, khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh **Hồ Hoàng N**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số C, khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/4/2020, bản tự khai chị Lê Thị H trình bày:

Chị và anh N kết hôn với nhau vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2010. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 07 năm. Đến năm 2017, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hiểu nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung nên dẫn đến vợ chồng thường cãi nhau. Hiện chị và anh N mặc dù còn sống chung nhà nhưng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Do xác định

không còn tình cảm với anh N nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh N. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn.

Quá trình chung sống có 01 con chung tên: Hồ Hiếu T, sinh ngày 20/4/2012, hiện đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Anh Hồ Hoàng N vắng mặt, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Các bên đương sự tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của chị H và anh N đã đến mức trầm trọng; đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh N. Về con chung: chị H tiếp tục nuôi cháu Hồ Hiếu T, sinh ngày 20/4/2012, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn anh Hồ Hoàng N có nơi cư trú tại khu phố 4, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Hồ Hoàng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh N là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh N kết hôn vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre ngày 29/10/2010 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 07 năm. Đến năm 2017, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hiểu nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung nên dẫn đến vợ chồng thường cãi nhau. Anh N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để hòa giải đoàn tụ nhưng vắng mặt không có lý do, cho thấy anh N đã bỏ mặt mối quan hệ hôn nhân này. Cả hai đã ly thân từ năm 2017 đến nay nhưng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Tại biên bản làm việc ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre với bà Phạm Thị C (là mẹ ruột của anh Hồ Hoàng N) xác nhận chị H và anh N đã ly thân từ hơn hai năm nay, cả hai không ai còn quan tâm và chăm sóc cho nhau, quá trình chung sống hai vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của chị H và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; cả hai không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H với anh N là phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về con chung: Chị H và anh N có 01 con chung tên: Hồ Hiếu T, sinh ngày 20/4/2012, hiện đang sống với chị H. Xét việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của đứa trẻ. Chị H có công việc ổn định, đảm bảo điều kiện để chăm sóc giáo dục con chung, hiện tại cháu T vẫn được chị H tạo điều kiện học tập phát triển bình thường. Ngoài ra, tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 25/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, cháu T cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ nếu cha mẹ phải ly hôn. Để đảm bảo việc phát triển ổn định về vật chất và tinh thần cho cháu T nên giao cháu T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai không có nên không xét đến

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị H đối với anh Hồ Hoàng N. Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Hồ Hoàng N.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Hồ Hoàng N chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận chị Lê Thị H không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Chị Lê Thị H được tiếp tục nuôi cháu Hồ Hiếu T, sinh ngày 20/4/2012, anh Hồ Hoàng N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lê Thị H tự nguyện không yêu cầu.

Anh Hồ Hoàng N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị H khai không có nên không xét đến.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị H phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009897 ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị Lê Thị H đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- UBND TT C;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Thanh Tòng